

Số: **03** /2021/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày **09** tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV- KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc sửa đổi một số điều của quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 56/BC-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 11 về mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

“ 3. Mức thu phí

a) Thẩm định hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với tổ chức

STT	Nội dung thẩm định	Mức thu (đồng/giấy chứng nhận)
1	Thẩm định hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận lần đầu	
a	Quy mô diện tích đến 5000 m ²	1.500.000
b	Quy mô diện tích trên 0,5 ha đến 1 ha	2.000.000
c	Quy mô diện tích trên 1 ha đến 3 ha	3.500.000
d	Quy mô diện tích trên 3 ha đến 5 ha	4.500.000
e	Quy mô diện tích trên 5 ha đến 10 ha	5.500.000
f	Quy mô diện tích trên 10 ha đến 20 ha	6.500.000
g	Quy mô diện tích trên 20 ha	7.500.000
2	Trường hợp thẩm định đăng ký cấp đổi, cấp lại	50% cấp lần đầu

b) Thẩm định hồ sơ đăng ký biến động đất đai (áp dụng đối với cả trường hợp phải cấp mới giấy chứng nhận khi thực hiện đăng ký biến động đất đai và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp) đối với tổ chức

STT	Nội dung thẩm định	Mức thu (đồng/giấy chứng nhận)
1	Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất	2.300.000
2	Hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất không có tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất	600.000
3	Hồ sơ chuyển quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, hồ sơ đăng ký biến động đất đai đối với đất và tài sản gắn liền với đất	800.000
4	Các trường hợp đăng ký biến động khác	600.000

c) Thẩm định hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền với đất; Thẩm định hồ sơ đăng ký biến động đất đai (bao gồm: Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất; chuyển quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai đối với đất và tài sản gắn liền với đất; các trường hợp đăng ký biến động khác) đối với

hộ gia đình, cá nhân (gồm cả cấp mới giấy chứng nhận khi thực hiện đăng ký biến động đất đai và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp)

STT	Nội dung, địa bàn thẩm định	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Trường hợp thẩm định lần đầu	
a	Thuộc địa bàn thành phố Lào Cai, các phường thuộc thị xã Sa Pa	250.000
b	Thuộc địa bàn còn lại	100.000
2	Trường hợp thẩm định đăng ký cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	50% cấp lần đầu

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 16 về mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai như sau:

“ 2. Mức thu phí

a) Khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trực tiếp (copy sao y bản chính) đối với hồ sơ địa chính; bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính; các tư liệu khác (hồ sơ giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất ...)

STT	Đối tượng nộp phí	Mức thu phí
1	Đối với tổ chức:	
a	Trường hợp khai thác bộ hồ sơ, tài liệu	270.000 đồng/hồ sơ
b	Trường hợp chỉ khai thác một phần hồ sơ, tài liệu	10.000 đồng/trang, tối đa không quá 270.000 đồng/lần khai thác
2	Đối với cá nhân:	
a	Trường hợp khai thác bộ hồ sơ, tài liệu	130.000 đồng/hồ sơ
b	Trường hợp chỉ khai thác một phần hồ sơ, tài liệu	10.000 đồng/trang, tối đa không quá 130.000 đồng/lần khai thác

b) Khai thác và sử dụng tài liệu đất đai qua mạng internet, cổng thông tin đất đai, dịch vụ nhắn tin SMS đối với: Hồ sơ địa chính; bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính các tư liệu khác (hồ sơ giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất ...).

STT	Đối tượng nộp phí	Mức thu phí
1	Đối với tổ chức	
a	Trường hợp khai thác bộ hồ sơ, tài liệu	135.000 đồng/hồ sơ
b	Trường hợp chỉ khai thác một phần hồ sơ, tài liệu	5.000 đồng/trang, tối đa không quá 135.000 đồng/lần khai thác
2	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
a	Trường hợp khai thác bộ hồ sơ, tài liệu	70.000 đồng/hồ sơ
b	Trường hợp chỉ khai thác một phần hồ sơ, tài liệu	5.000 đồng/trang, tối đa không quá 70.000 đồng/lần khai thác

Các mức thu trên không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu.”

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì mức thu phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khoá XV, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 09 tháng 4 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2021./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực VII;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo; Báo Lào Cai; Đài PT-TH; Cổng TTĐT tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Phòng CT, HĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong